**Mẫu số 09/QTNĐ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN TÀI CHÍNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ...... | *....., ngày .... tháng ..... năm .....* |

**THÔNG BÁO**

**Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ...**

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ...

Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ..., (Cơ quan tài chính) thông báo như sau:

**1. Nhận xét chung:**

Nhận xét về việc chấp hành thời gian, nội dung, biểu mẫu báo cáo.

**2. Về nội dung cụ thể:**

- Đánh giá sự phù hợp về kế hoạch, cơ cấu vốn và danh mục dự án giữa báo cáo quyết toán của cơ quan báo cáo với báo cáo quyết toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán.

- Xác định tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán; Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau; Tổng số vốn được kéo dài thời hạn giải ngân sang năm sau; Vốn huỷ bỏ trong năm ngân sách (nếu có).

- Xác định số vốn được quyết toán trong năm ngân sách.

- Các nội dung khác (nếu có).

*(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)*

**3. Kiến nghị: ...**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- ....- Cơ quan kiểm soát, thanh toán ...;- Lưu: ... | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TÀI CHÍNH***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN TÀI CHÍNH**-------** |  |

**THÔNG BÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH ...**

*(Kèm theo Thông báo số ngày ... tháng ... năm.. của.... )*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ năm trước** | **Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm...** | **Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm…** | **Kế hoạch năm…** | **Giải ngân vốn kế hoạch năm….** | **Tổng số vốn quyết toán ngân sách năm...** | **Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau** | **Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau** | **Tổng số vốn kế hoạch còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (hủy dự toán)** |
| **Tổng số** | **Trong đó: thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm..** | **Nộp giảm tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước trong năm** | **Tổng số** | **Thanh toán khối lượng hoàn thành** | **Vốn tạm ứng** | **Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau** | **Vốn kế hoạch hủy bỏ** | **Tổng số** | **Thanh toán khối lượng hoàn thanh** | **Vốn tạm ứng** | **Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau** | **Vốn kế hoạch hủy bỏ** |
| **1** | **2** | **2** | **4** | **5** | **6** | **7=8+9** | **8** | **9** | **10** | **11=6-7-10** | **12** | **13=14+15** | **14** | **15** | **16** | **17=12-13-16** | **18=4+8+14** | **19=(3-4-5)+9+15** | **20=10+16** | **21=11+17** |
|  | **BỘ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Vốn trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Vốn nước ngoài, trong đó:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Vốn cấp qua Kho bạc Nhà nước (bao gồm cả vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao; không bao gồm Chương trình mục tiêu Quốc gia)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Ngành, lĩnh vực, (mã ngành, lĩnh vực)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Vốn trong nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Vốn nước ngoài, trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Ngành, lĩnh vực... (mã ngành, lĩnh vực)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Vốn trong nước* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Vốn nước ngoài, trong đó:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Vốn cấp bằng lệnh chi tiền** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Vốn trong nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Vốn nước ngoài, trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Ngành, lĩnh vực... (mã ngành, lĩnh vực)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |